

Số: /GPMT-UBND TP. Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Công Danh tại Văn bản số 05/CV-CD ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu; Văn bản số 07/CV-CD ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 101/TTr-TNMT ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án: Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu của Công ty TNHH Công Danh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Công Danh (địa chỉ trụ sở chính: Lô C6, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C3, Khu Công nghiệp Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100190411 do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2004, cấp đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27 tháng 01 năm 2011.

1.5. Mã số thuế: 6100190411.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ xuất khẩu.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô diện tích: 20.952 m²

- Quy mô hoạt động: 2.700 m³ gỗ tinh chế/năm.

- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu thuộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Quy mô phân loại theo tiêu chí của pháp luật về môi trường: Thuộc nhóm III (*quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công Danh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công Danh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án/cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Công Danh;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND phường Lê Lợi;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày ...tháng ...năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân nhà máy.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 52m³/ngàyđêm.

- **Dòng nước thải:** 03 dòng (từ 03 nhà vệ sinh).

- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:** Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD₅; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.

Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Thông số	QCVN 14:2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

* **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Vị trí: Lô C3, KCN Hòa Bình thuộc Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: X= 14.3243.574; Y= 107.9826.168.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Giếng thấm sau đó cho thấm đất.

2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép:

+ Nguồn 1: Nước sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc 1,3 m³/ngày đêm;

+ Nguồn 2: Nước thải từ vận hành lò hơi 1,1 m³/ngày đêm;

- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 2,4 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 02 dòng.
- + Dòng 1: Tại khu vực hồ lắng.
- + Dòng 2: Tại khu vực lò hơi (*phát sinh không thường xuyên*).
- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Màu; pH; BOD₅ (20^o C); COD; Chất rắn lơ lửng; Amoni (*tính theo N*); Tổng phốt pho (*tính theo P*).
- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C
			Cột A
1	Màu	Pt/Co	50
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	30
4	COD	mg/l	75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
6	Amoni (<i>tính theo N</i>)	mg/l	05
7	Tổng phốt pho (<i>tính theo P</i>)	mg/l	04

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Vị trí: Tại khu vực hồ lắng của hệ thống thoát nước thuộc Lô C3, KCN Hòa Bình thuộc Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- Tọa độ: X= 14.3245.542; Y= 107.9825.696.
- + Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt;
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Đấu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hòa Bình sau khi đã xử lý sơ bộ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thấm và thấm vào đất.
- Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hồ thu nước thải. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

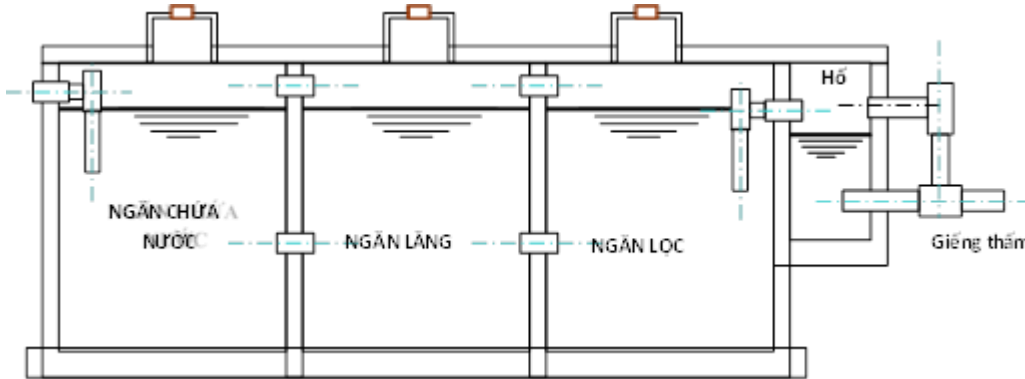
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thấm và thấm vào đất.

Số lượng 03 khu, mỗi khu có diện tích khoảng 16 m² xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày khoảng 05 m³ mỗi khu vực.

Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Ghichú:

- (1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí.
- (2) Ngăn lắng ngang.
- (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m. Sau đó sẽ tiếp tục được dẫn vào hệ thống thu hồi nước thải sau đó cho vào giếng thấm để thấm đất.

- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

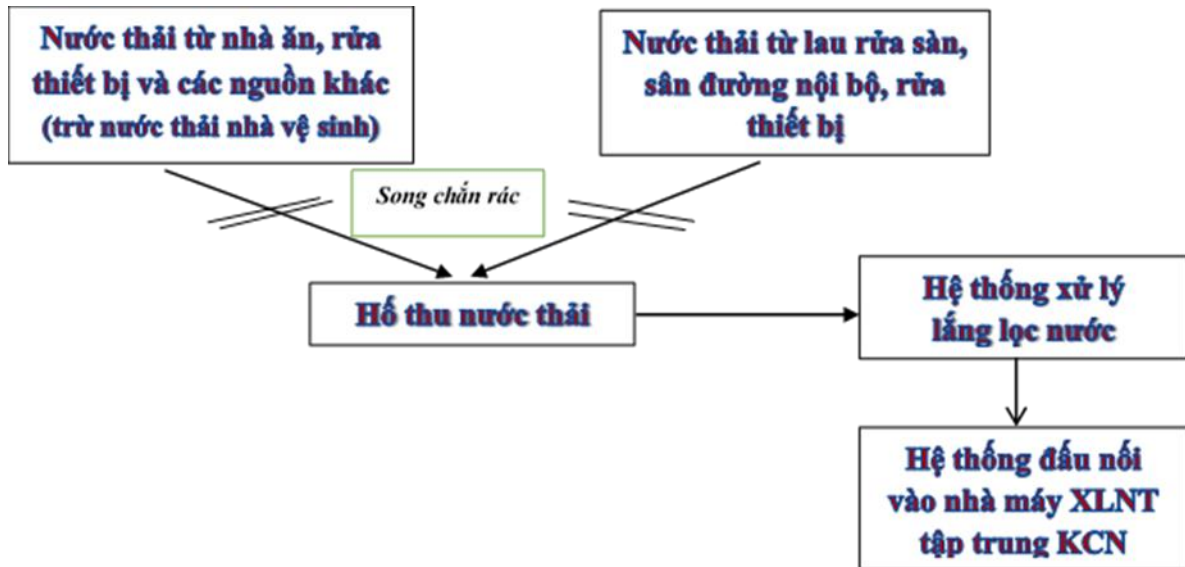
- Bể tự hoại đang được sử dụng với nhiều ưu điểm như: Hiệu suất xử lý ổn định kể cả khi dòng nước thải đầu vào có dao động lớn; chiếm ít diện tích, giá thành rẻ và việc xây dựng, quản lý đơn giản. Hiệu suất lắng của bể đối với các chất lơ lửng: BOD 65 -75%, SS 75 – 85% và COD của nước thải giảm từ

35 - 65% và các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần.

1.2.2. Nước thải khác:

* Nước thải lavabô khu WC; rửa sàn được thu gom vào đường ống thoát nước riêng và xả ra rãnh thoát nước xung quanh nhà và đưa vào hồ lắng trước khi thải ra môi trường.

Hình 2. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khác và nước thải sản xuất



* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải

Nguồn nước thải:

Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị và từ sinh hoạt ăn uống tại nhà ăn được dẫn về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hồ thu nước thải.

Nước mưa tại khu vực bãi chứa gỗ và sân đường nội bộ: Phát sinh trong quá trình hoạt động chủ đầu tư để các nguyên liệu đầu vào hay các sản phẩm gỗ vụn ngoài trời hoặc các khu vực không có mái che hoặc che dầy không kín gập trời mưa xuống làm rửa tan các thành phần trong gỗ hòa lẫn vào nước làm phát sinh độ độc cao và hàm lượng hữu cơ lớn. Khối lượng này phát sinh không thường xuyên, chủ yếu vào mùa mưa và phát sinh tại những khu vực không che dầy kỹ, khối lượng ước tính khoảng 3,5 m³/ngày đêm. Được thu gom bằng hệ thống mương được xây bằng gạch, trát vữa xi măng, có nắp dầy bằng tấm đan và hệ thống mương xây bê tông cốt thép. Sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước làm mát thiết bị phát sinh không thường xuyên khoảng 20 lít/ ngày được xử lý sơ bộ sau đó thu gom cho vào bồn tấm phục vụ tấm gỗ, không phát sinh ra môi trường.

- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí sau đó cho thấm đất.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và sản xuất có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Bình.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày... tháng .. năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

a. Nguồn phát sinh khí thải:

01 nguồn: Từ ống khói lò hơi.

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 12.000m³/giờ.

c. Dòng khí thải:

01 dòng khí thải từ hệ thống khí thải lò hơi.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải sau trạm xử lý, xả ra môi trường đạt chỉ tiêu của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ với hệ số K_p = 1, K_v = 1. Các thông số cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN19:2009/BTNMT Cột B; K _p =1, K _v =1
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1000
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

e. Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí: Tại khu vực trong nhà xưởng của nhà máy thuộc Lô C3, KCN Hòa Bình thuộc Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tọa độ: Tọa độ: X= 14.3267.442; Y= 107.9722.586.

- Phương thức xả thải: Xả thải qua hệ thống ống khói.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

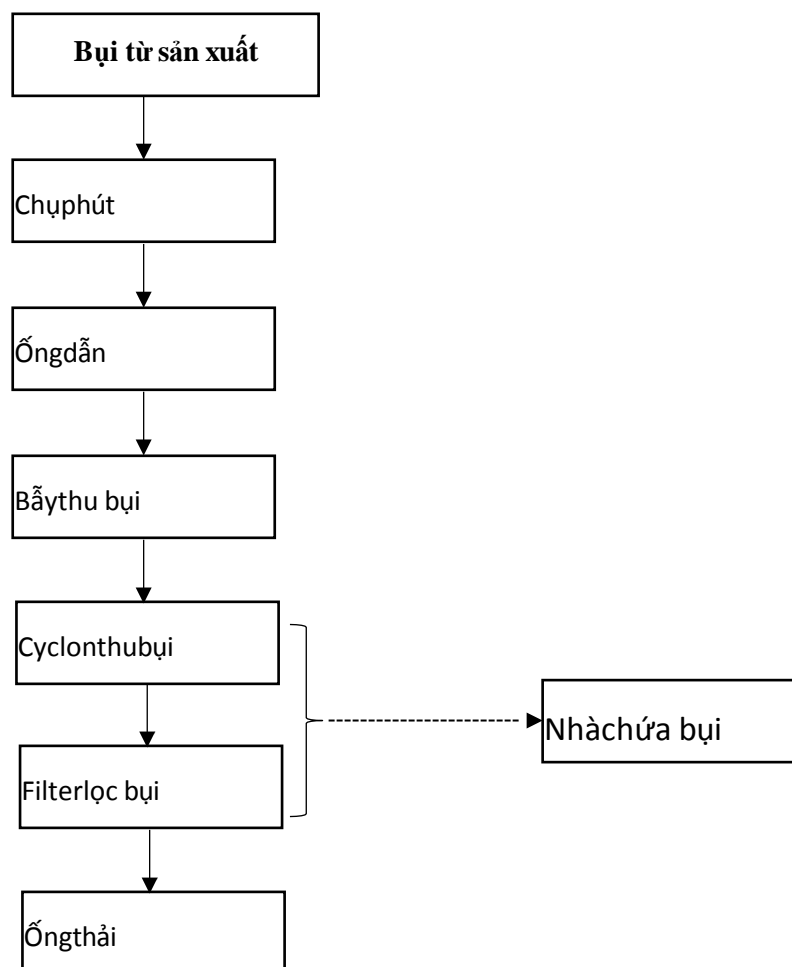
1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ buồng đốt sau đó thoát ra qua hệ thống ống khói sau khi qua các công đoạn xử lý.

Bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất được xử lý qua các công đoạn trước khi thu gom tại nhà chứa bụi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Lắp đặt hệ thống xử lý bụi tập trung để xử lý bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn cưa, cắt, chà nhám, tạo hình. Quy trình hệ thống xử lý bụi tập trung tại cơ sở như sau:



Hình3. Quy trình xử lý bụi của hệ thống xử lý bụi gỗ tại nhà máy

Thuyết minh quy trình

Bụi gỗ phát sinh từ các máy CNC, máy bào, cắt, máy nhám, máy nhám thùng, máy khoan được các chụp hút hút tại các máy gia công vào hệ thống ống nhánh rồi qua hệ thống ống chính và đưa vào cyclon thu bụi. Trong cyclon thu bụi lắp đặt thêm hệ xoắn dạng dây xích để xoắn và cuốn bụi thô (có kích thước lớn) vào đường ống dẫn và đưa vào bẫy thu bụi. Trong bẫy thu bụi lắp đặt thêm hệ xoắn dạng dây xích để xoắn và cuốn bụi thô (có kích thước lớn) vào đường ống dẫn và đưa về nhà chứa bụi.

Dòng khí lẫn bụi mịn và một phần bụi thô được đưa về cyclon thu bụi để loại bỏ hoàn toàn bụi thô. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclon. Đồng thời, hạt bụi chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclon, va chạm với nó, mất năng, rơi xuống phễu và được chứa trong nhà chứa bụi. Tiếp theo, dòng khí lẫn bụi mịn được đưa về hệ thống filter lọc bụi (hệ thống lọc túi vải) thông qua đường ống, các hạt bụi có kích thước lớn hơn khoảng cách của các sợi

vải được giữ lại đồng thời tạo thành một lớp liên kết với các sợi vải để có thể giữ lại các hạt bụi có kích thước nhỏ hơn nhằm tăng hiệu quả lọc đối với các hạt bụi có kích thước nhỏ (*vàiµm*). Tuy nhiên, khi bụi bám đầy trên mặt túi vải, che kín bề mặt túi vải làm tăng sức cản của nó đối với dòng khí ảnh hưởng đến hiệu quả lọc của túi vải. Vì vậy, hệ thống túi vải được thiết kế hệ thống giữ bụi tự động nhờ giàn rung giữ bụi để loại bỏ bụi bám và tăng hiệu quả xử lý bụi.

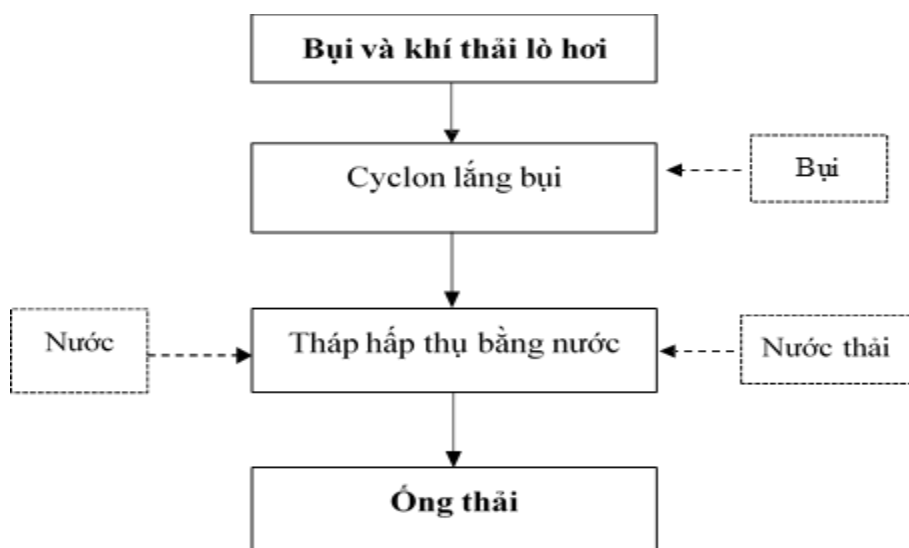
Dòng khí sau hệ thống túi vải có nồng độ bụi đạt quy chuẩn cho phép được thoát ra ngoài thông qua ống thải. Lượng bụi phát sinh trong quá trình lọc sẽ được chứa ở phễu chứa bụi của thiết bị lọc túi vải và được hút đưa về cyclon chứa bụi. Ngoài ra, trong hệ thống túi vải được lắp đặt thiết bị cảm ứng nhiệt để khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thiết bị cảm ứng nhiệt hoạt động, cô lập đường ống, đóng các cửa thu bụi trong các bể thu bụi và túi vải để hạn chế cháy nổ trong hệ thống đồng thời khởi động hệ thống phun nước tự động.

Các túi vải sau thời gian sử dụng sẽ bị rách, bụi bịt kín khe giữa các sợi vải làm giảm khả năng lọc bụi của túi vải nên được thay mới.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi và xử lý khí thải lò hơi:

Thiết kế và lắp đặt 1 hệ thống xử lý cho 1 lò hơi với công suất của thiết bị là 12.000 m³/giờ. Nguyên lý hoạt động của hệ thống này như sau:

Hình 4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bụi và khí thải lò hơi



Mô tả quy trình:

Khi khí từ buồng đốt của lò hơi sẽ được quạt hút thu gom thông qua đường ống dẫn để về hệ thống xử lý. Trước tiên, khí thải sẽ vào thiết bị cyclon để xử lý bụi. Với tác dụng của lực ly tâm, các hạt bụi sẽ chuyển động về hướng thành cyclon, va vào thành và mất động năng, rơi xuống đáy cyclon và được chứa ở ngăn chứa. Dòng khí và bụi thừa sẽ theo ống tâm và ra ngoài cyclon sau đó đi qua tháp hấp thụ bằng nước. Dòng khí đi vào tháp và tiếp xúc với nước bên trong tháp, bụi sẽ được hòa tan vào nước, dòng khí sạch sẽ đi ra ngoài thông qua cửa ra ở đỉnh của tháp hấp thụ, sau đó thoát ra ngoài qua ống thải cao 15m, có đường kính 40 cm; chất liệu sắt pha thép;

công suất vận hành không giới hạn thời gian.

Khi thái từ buồng đốt của lò hơi sẽ được quạt hút thu gom thông qua đường ống dẫn về hệ thống xử lý. Trước tiên, khi thái sẽ vào thiết bị cyclon để xử lý bụi. Với tác dụng của lực ly tâm, các hạt bụi sẽ chuyển động về hướng thành cyclon, va vào thành và mất động năng, rơi xuống đáy cyclon và được chứa ở ngăn chứa. Dòng khí và bụi thừa sẽ theo ống tâm và ra ngoài cyclon sau đó đi qua tháp hấp thụ bằng nước. Dòng khí đi vào tháp và tiếp xúc với nước bên trong tháp, bụi sẽ được hòa tan vào nước, dòng khí sạch sẽ đi ra ngoài thông qua cửa ra ở đỉnh của tháp hấp thụ, sau đó thoát ra ngoài qua ống thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hồ ga đầu nối: Chất liệu xi măng cốt thép gia cố chắc chắn, có nắp đậy kín đảm bảo an toàn;

- Bể tự hoại: Xây dựng chắc chắn, là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo đảm bảo hiệu suất và công năng tốt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

a. Nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: Tiếng ồn tại khu vực nhập liệu.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn tại khu vực cưa, cắt, xẻ gỗ, bào, chà nhám, mài.
- Nguồn số 03: Từ máy phát điện dự phòng.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn.

Tại khu vực xưởng sản xuất thuộc Lô C3, KCN Hòa Bình thuộc Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

c. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt, vận hành máy móc đúng quy trình quy phạm, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ để tránh hỏng hóc gây ra tiếng ồn bất thường nhằm giảm độ ồn.

- Trồng cây xung quanh nhà máy để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng ra khu vực xung quanh nhà máy và cải thiện được điều kiện khí hậu trong khu vực.

- Không hoạt động quá công suất thiết kế, lắp đặt máy móc thiết bị theo đúng thiết kế, kỹ thuật.

- Không hoạt động từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. Có kế hoạch làm việc cụ thể, bố trí các xe, thiết bị hoạt động luân phiên để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí cuối hướng gió, phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải của xe, che đậy cẩn thận, hạn chế rơi vãi dọc đường, thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án với diện tích theo quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng..... năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

- Khối lượng: 124 kg/năm.

- Chủng loại như sau: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, túi lọc dính dầu nhớt; pin ắc quy chì thải; cặn sơn, sơn thải; hộp mực in thải; thùng phuy sắt dính sơn, dung môi thải; thùng nhựa dính sơn, dung môi, dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; keo thải; Các loại khác.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng: 10,020 tấn/năm.

- Chủng loại: Cùi + gỗ vụn; mùn cưa; dăm bào; giấy nhám thải; carton, lõi băng keo, dây đai...; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: 555 kg/ngày.

- Chủng loại: Bao bì, hộp giấy và một số thức ăn thừa và các loại liên quan khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng nhóm chất thải.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại.

- Diện tích: Khoảng 15 m², khối tích 45 m³.

- Kết cấu công trình và quy cách:

+ Tường xây bằng gạch trát tô vữa xi măng và mái lợp tôn, vì kèo bằng sắt. Nền gia cố chống thấm bằng bê tông xi măng;

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Xây gờ chống tràn, hố và rãnh thu gom trong trường hợp chất thải dạng lỏng chảy tràn.

+ Các bao bì, dụng cụ chứa chất thải được phân loại, dán nhãn, mã cảnh báo từng loại chất thải nguy hại.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với các CTR như: Giấy nhám thải, carton, lõi băng keo, dây đai...: Bố trí trong khu vực sản xuất được trang bị các thùng chứa để công nhân vệ sinh lưu trữ tạm thời trong ca sản xuất, lượng rác thải này được tập trung lưu trữ tại khu vực lưu trữ chất thải thông thường.

- Đối với các CTR khác như: Củi + gỗ vụn; Mùn cưa; Dăm bào: Bán cho đơn vị bên ngoài hoặc phục vụ làm chất đốt của lò sấy.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít và 240 lít dọc đường nội bộ; tại khu vực văn phòng bố trí các thùng rác dung tích 240 lít, sau đó đưa về khu vực lưu chứa để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi dự án đi vào hoạt động chính thức.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố hệ thống thu gom, xử lý khí thải.
- Các biện pháp phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố.
- Các biện pháp về an toàn lao động.
- Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi.